

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Hệ thống thông tin

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Trọng Hiếu

2. Ngày tháng năm sinh: 04/11/1978; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Phường Mỹ Xá, Thành phố Nam Định, Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số 34, ngách 8/138 Phú Đô, Nam Từ Liêm, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa CNTT, Trường ĐH Công Nghệ,

ĐHQGHN - Nhà E3, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0945.89.3663;

E-mail: hieutt@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 02,2002 đến tháng, năm 09,2014: Giảng viên tại Khoa Toán - Cơ - Tin học, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

Từ tháng, năm 10,2014 đến tháng, năm 03,2016: Chuyên viên tại Ban CNTT, Viện Dầu khí Việt Nam

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa CNTT, Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN

Địa chỉ cơ quan: Nhà E3, Số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02437547064

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 23 tháng 06 năm 2000, số văn bằng: c217519, ngành: Tin học, chuyên ngành: Tin học; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 15 tháng 03 năm 2005, số văn bằng: QM 001442, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đảm bảo toán học cho máy tính và các hệ thống tính toán; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN

- Được cấp bằng TS [5] ngày 27 tháng 02 năm 2013, số văn bằng: 5632, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Bách khoa Wrocław, Ba Lan (Wrocław University of Science and Technology)

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Tích hợp tri thức, Các hệ đa tác tử, Khai phá dữ liệu, Học máy

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 6 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành 2 đề tài NCKH cấp Bộ;

- Đã công bố (số lượng) 26 bài báo khoa học, trong đó 6 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2017-2018	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	2018
2	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2018-2019	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	2019

3	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2019-2020	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	2020
4	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo	Bộ Giáo dục	2014
5	Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQGHN 2017-2018	Cấp ĐHQGHN	2020
6	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Giáo dục và đào tạo	Bộ Giáo dục	2020

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và hoàn thành tốt các nhiệm vụ của giảng viên đại học

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 17 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2020-2021		1	1	3	405	22.5	427.5/805.1/270

2	2019-2020		1	1	2	270	30	300/664.85/270
3	2018-2019		2	3	3	270	60	330/745.3/280
03 năm học cuối								
4	2017-2018		2		4	135	30	165/407 /280
5	2016-2017			1	3	152	60	212/379.2/280
6	2013-2014					570	45	615/615 /280

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Ba Lan năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng	Trách nhiệm hướng dẫn	Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp

NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ					
1	Đoàn Văn Tâm		X	X		12/2018 đến 01/2020	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	07/01/2020
2	Trần Anh Dũng		X	X		09/2008 đến 11/2020	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	30/11/2020
3	Nguyễn Tuấn Anh		X		X	11/2017 đến 01/2019	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	08/01/2019
4	Lê Quang Hoan		X	X		11/2017 đến 01/2019	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	08/01/2019
5	Phạm Trung Kiên		X	X		01/2017 đến 06/2019	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	16/06/2019
6	Nguyễn Trần Vân		X	X		05/2016 đến 01/2017	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	10/1/2017

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả	
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ						
1	Tích hợp tri thức trong các hệ thống đa tác tử	CN	QG 14.13, cấp Bộ	22/04/2014 đến 21/4/2016	Tốt	

2	Tích hợp tri thức dạng xác suất trong các hệ thống thông minh và ứng dụng xây dựng một cơ sở tri thức ngữ nghĩa Tiếng Việt	CN	QG 19.23, cấp Bộ	01/01/2019 đến 31/12/2020	Xuất sắc	
---	--	----	------------------	---------------------------	----------	--

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	An Algorithm for Agent Knowledge Integration Using Conjunctive and Disjunctive Structures	2	Có	Lecture Notes in Computer Science 4953/ ISBN 978-3-540-78581-1		4	703-712	03/2008

2	Integration of Knowledge in Disjunctive Structure on Semantic Level	2	Có	Lecture Notes in Computer Science 5177/ ISBN 978-3-540-85562-0		2	253-261	09/2008
3	A Consensus-Based Integration Method for Security Rules	2	Có	Lecture Notes in Computer Science 5711/ISBN 978-3-642-04594-3		1	54-61	09/2009
4	Security Policy Integration Method for Information Systems	2	Có	Proceeding of ACIIDS 2009/ISBN 978-0-7695-3580-7		3	220-225	04/2009
5	Merging Belief Bases by Negotiation	3	Có	Lecture Notes in Computer Science 6881/ISBN 978-3-642-23850-5		7	200-209	09/2011
6	An Axiomatic Model for Merging Stratified Belief Bases by Negotiation	2	Có	Lecture Notes in Computer Science 7653/ISBN 978-3-642-34629-3		8	174-184	11/2012

7	Paraconsistent Logics For Inconsistent Knowledge Processing	1	Có	Proceedings of the 16th International Conference on Systems Science. ISBN: 83-7085-973-9			39-48	09/2006
8	Method for measuring the distance between disjunctive formulae	1	Có	Knowledge processing and reasoning for information society. Academic Publishing House EXIT, Warsaw. ISBN: 83-60434-38-7			39-48	05/2008
9	An integration method for logic clauses	2	Có	Proceedings of Information systems architecture and technology : information systems and computer communication networks. ISBN: 978-83-7493-348-3			21-28	09/2007
10	Distance functions for logic conjunctions in knowledge integration tasks	2	Có	Proceedings of the 16th International Conference on Systems Science. ISBN: 978-83-7493-340-7			2 454-462	09/2007
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								

11	Axiomatic characterization of belief merging by negotiation	3	Có	Multimedia Tools and Applications, ISSN/eISSN: 1380-7501/1573-7721	Multimedia Tools and Applications (Q1) - SCIE <i>IF: 2.313</i>	11	65, 1, 133-159	07/2013
12	On the Belief Merging by Negotiation	3	Có	Procedia Computer Science/ISSN 18770509	Procedia Computer Science - Scopus <i>IF: 1.636</i>	7	35 147-155	09/2014
13	On the Use of Surplus Division to Facilitate Efficient Negotiation in the Presence of Incomplete Information	3	Có	Procedia Computer Science/ISSN 18770509	Procedia Computer Science - Scopus <i>IF: 1.636</i>	2	96 295-304	09/2016
14	Argumentation Framework for Merging Stratified Belief Bases	4	Có	Lecture Notes in Computer Science 9621/ISBN 978-3-662-49380-9		5	43-53	03/2016
15	Inconsistency measures for probabilistic knowledge bases	2	Không	Proceeding of KSE 2017/ ISBN 978-1-5386-3576-6		8	148-153	10/2017

16	Merging Possibilistic Belief Bases by Argumentation	4	Không	Lecture Notes in Computer Science 10191/ ISBN 978-3-319-54471-7			24-34	04/2017
17	Framework for Merging Probabilistic Knowledge Bases	3	Không	Lecture Notes in Computer Science 11055/ ISBN 978-3-319-98442-1		2	31-42	09/2018
18	A Learning Method based on Bisimulation in Inconsistent Knowledge Systems	3	Không	Proceeding of ICARCV 2018/ IEEE 2018, ISBN 978-1-5386-9582-1		2	430-435	11/2018
19	Solving Inconsistencies in Probabilistic Knowledge Bases via Inconsistency Measures	2	Không	Lecture Notes in Computer Science 10751/ ISBN 978-3-319-75416-1		3	3-14	03/2018
20	Method for Restoring Consistency in Probabilistic Knowledge Bases	4	Không	Cybernetics and Systems, ISSN/eISSN: 0196-9722/1087-6553	Cybernetics and Systems (Q2) - SCIE IF: 1.433	4	49, 5-6, 317-338	01/2018

21	Algorithms for Merging Probabilistic Knowledge Bases	3	Không	Lecture Notes in Computer Science 11431/ ISBN 978-3-030-14798-3		1	3-15	04/2019
22	Belief Merging for Possibilistic Belief Bases	2	Có	Applied Mathematics and Applications/ ISBN 978-3-030-38363-3			370-380	12/2019
23	A distance-based approach for merging probabilistic knowledge bases	3	Có	Journal of Intelligent and Fuzzy Systems/ ISSN/eISSN: 1598-2645/2093-744X	Journal of Intelligent and Fuzzy Systems (Q2) - SCIE IF: 1.851		37, 6, 7265-7278	12/2019
24	A model for building probabilistic knowledge-based systems using divergence distances	3	Có	Expert Systems with Applications/ ISSN/eISSN: 0957-4174/1873-6793	Expert Systems with Applications (Q1) - SCIE IF: 6.954		174 114494	07/2021
25	Độ đo GOOGLE trong tích hợp dữ liệu	3	Không	Hội nghị quốc gia lần thứ VIII "Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin" (FAIR 2015)			224-231	07/2015

26	Mô hình tiên đề cho tích hợp tri thức bằng đàm phán	3	Không	Hội thảo Quốc gia lần thứ 18 "Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và Truyền thông (Hội nghị @2015)			130-135	11/2015
----	---	---	-------	---	--	--	---------	---------

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 5 ([11] [12] [13] [23] [24])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2021

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)